

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06- 01-2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hiếu và ông Phạm Mã Siêu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2021/TLST - HNGĐ ngày 16/11/2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1990 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện T, Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn - Chị Lê Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Phạm Minh T tự do tìm hiểu, tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 10 năm 2019 đến nay chị và anh T chính thức sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể quay về chung sống cùng anh T được nữa vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Trung D1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Phạm Tùng D2, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2016. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là muốn được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, nếu không được nuôi cả 02 con thì chị xin được nuôi con thứ hai Phạm Tùng D2 vì con D2 còn nhỏ.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và công nợ chung.

* Quá trình tố tụng tại Tòa bị đơn - Anh Phạm Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Lê Thị X tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn anh và Chị X về chung sống với nhau cùng gia đình tại xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau và do công việc của Chị X là làm hoa tươi, hoa lụa, bán bảo hiểm và bán bia nên có nhiều mối quan hệ mà anh không kiểm soát được nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên anh và Chị X chính thức sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay Chị X có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không muốn ly hôn, nếu Chị X quyết tâm ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện là anh được nuôi cả 02 con chung.

Về quan hệ con chung: Anh và Chị X 02 con chung là Phạm Trung D1, sinh ngày 13/8/2012 và Phạm Tùng D2, sinh ngày 13/4/2016, hiện nay đang ở cùng anh và bố mẹ anh. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu Chị X phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Anh không có ý kiến và yêu cầu gì về tài sản chung và công nợ chung giữa anh và Chị X.

Ngoài ra anh T còn trình bày, hiện tại anh đang đi làm ăn ở tỉnh ngoài mà trong thời buổi dịch covid đang diễn biến rất phức tạp nên anh không biết có về tham gia phiên tòa được không, do đó mong Tòa án tạo điều kiện cho anh.

* Tại biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn Toàn, sinh năm 1960 là bố đẻ anh T, ông T1 trình bày: Chị X anh T kết hôn với nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng Chị X anh T có 02 con chung Phạm Trung D1, sinh ngày 13/8/2012 và Phạm Tùng D2, sinh ngày 13/4/2016, hiện nay cả 02 con đang ở cùng anh T và ông bà nội, ông bà vẫn hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc cũng như đưa đón các cháu đi học. Anh T hiện nay đang đi làm ăn ở tỉnh Ninh Bình, địa chỉ cụ thể ông không biết nhưng anh T vẫn gửi tiền về để ông bà nuôi 02 cháu. Nếu Chị X và anh T ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và khi đó anh T sẽ sắp xếp công việc về gần để chăm sóc các con.

* Tại biên bản lấy lời khai của cháu Phạm Trung D1, sinh ngày 13/8/2012, cháu D1 trình bày: Hiện nay cháu đang ở cùng bố, ông bà nội và em Phạm Tùng D2. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng bố và em D2.

* Kết quả xác minh tại UBND xã B thể hiện: Chị X anh T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình, Chị X anh T kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 05/9/2011. Hiện nay Chị X và anh T đều đi làm ăn ở tỉnh ngoài. Chị X anh T có Phạm Trung D1, sinh ngày 13/8/2012 và Phạm Tùng D2, sinh ngày 13/4/2016, hiện nay cả 02 con đang học tập và sinh sống tại địa phương với sự chăm sóc của ông bà nội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, và nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho Chị Lê Thị X được ly hôn Anh Phạm Minh T. Giao cho Chị Lê Thị X trực tiếp nuôi con chung Phạm Tùng D2, sinh ngày 13/4/2016, giao cho Anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi con Phạm Trung D1, sinh ngày 13/8/2012 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là Chị Lê Thị X xin ly hôn Anh Phạm Minh T, anh T có hộ khẩu thường trú tại huyện Tiền Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của Chị X là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là Anh Phạm Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X và Anh Phạm Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình, xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị X anh T chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau và mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được nữa, Chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh T, anh T chỉ đồng ý ly hôn Chị X với điều kiện là anh được nuôi cả 02 con chung và anh T cũng thừa nhận vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau và do công việc của Chị X là làm hoa tươi, hoa lụa, bán bảo hiểm và bán bia nên có nhiều mối quan hệ mà anh không kiểm soát được nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên anh và Chị X chính thức sống ly thân. Từ những tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị X và anh T đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của Chị X, xử cho Chị X được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị X và anh T có 02 con chung là Phạm Trung D1, sinh ngày 13/8/2012 và Phạm Tùng D2, sinh ngày 13/4/2016, thực chất hiện nay cả 02 con đang do ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng vì cả anh T và Chị X đều đi làm ở xa. Ly hôn cả Chị X và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con cùng mình, ngoài ra Chị X còn trình bày nếu không được nuôi cả 02 con thì chị có nguyện vọng nuôi con D2 vì con D2 hiện nay vẫn còn nhỏ. Cháu D1 có nguyện vọng được ở với bố. Để bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho sự phát triển toàn diện của các con chung, hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho Chị Lê Thị X trực tiếp nuôi con chung Phạm Tùng D2, sinh ngày 13/4/2016, giao cho Anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi con Phạm Trung D1, sinh ngày 13/8/2012 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lê Thị X và Anh Phạm Minh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho Chị Lê Thị X trực tiếp nuôi con chung Phạm Tùng D2, sinh ngày 13/4/2016, giao cho Anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi con chung Phạm Trung D1, sinh ngày 13/8/2012 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị Lê Thị X và Anh Phạm Minh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị X phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Chị X đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002251 ngày 11/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi